

<非常用物品リスト>

Danh sách đồ dùng dự trữ Phụ huynh giữ

食器（皿、箸、スプーンなど）、ウェットティッシュも用意してください。

dụng cụ(chén, đũa, thìa,...) khăn ướt cũng cần chuẩn bị

非常食を調理するために水が必要な場合は、水も必ず入れてください。

Trong số thức ăn đã chuẩn bị nếu có đồ cần dùng nước để chế biến thì vui lòng

chuẩn bị thêm nước

リスト作成日

Ngày lập danh sách

年 月 日

なまえ

Họ Tên

	なまえ tên đồ chuẩn bị	色・特徴など màu. đặc điểm	個数 số lượng
衣 類	(例)トレーナー (ví dụ) quần áo thể thao	青 màu xanh キティの柄・厚手 có hình kitty, loại d ày	1
	ウェットティッシュ(除菌タイプ) khăn ướt là khăn dạng diệt khuẩn		

	なまえ tên đồ chuẩn bị	色・特徴など màu. đặc điểm	個数 số lượng	賞味期限 hạn sử dụng
食 料 品	(例)五目飯 (ví dụ) cơm trộn	袋入り dạng túi	3	2027. 5. 23
食 器				

その他: ngoài ra